

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2020
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Như.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Kiệm.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 04/2020/TB-TA ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị D, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại số 2, Trại giam T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2019 và những lời khai của nguyên đơn chị Nông Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tiến M kết hôn vào tháng 7 năm 2016. Trước khi kết hôn chị và anh M có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương, có đến Ủy ban nhân dân xã

Trù Hựu, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, chị về nhà anh M làm dâu ngày và chung sống cùng nhau tại thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh M không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không bao ban được việc làm ăn, kinh tế gia đình khiến tình cảm rạn nứt, không có hạnh phúc. Năm 2017 anh M vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành hình phạt tù cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/11/2016. Nay ly hôn, chị nhận nuôi cháu Bảo Ngọc và không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh M không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản công nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến M tại bản tự khai ngày 17/02/2020 trình bày:

Anh và chị Nông Thị D kết hôn vào ngày 18/7/2016, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau ngay tại thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 11/2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2017 thì anh đi chấp hành hình phạt tù tại Trại giam T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn với chị D.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/11/2016. Nay ly hôn, anh cũng nhất trí giao con chung của vợ chồng cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nông Thị D vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M và được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo N, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Anh M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều

147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị D: Cho chị Nông Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Tiến M.

Về con chung: Giao cho chị Nông Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/11/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nông Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Chị Nông Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Nguyễn Tiến M có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án theo quy định cho anh M. Anh M cũng đã có bản tự khai trình bày với Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, anh M có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M.

[2] Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào tháng 7 năm 2016 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân với nhau một thời gian dài, không ai còn quan tâm tới ai. Chị D đề nghị giải quyết ly hôn với anh M, anh M đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay chị D kiên quyết không muốn về đoàn tụ cùng anh M. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D anh M mâu thuẫn là có thật, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài một thời gian đến nay đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Chị D anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/11/2016. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng; anh M đồng ý để chị D nuôi dưỡng con chung. Do vậy cần giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết, vì các đương sự không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D, anh M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nông Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị D: Cho chị Nông Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Tiến M.

2. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/11/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Tiến M được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được ngăn cản anh M thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nông Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0001142 ngày 21/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Đức Nhường